

Số: 249/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khắc phục, sửa chữa kênh thoát nước từ trường Cao đẳng Cộng Đồng đến cánh đồng Lùng Thàng, bản Lùng Thàng, xã Nậm Loỏng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu



hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khắc phục sửa chữa kênh từ trường Cao đẳng Cộng Đồng đến cánh đồng Lùng Thàng, bản Lùng Thàng, xã Nậm Loỏng, thành phố Lai Châu.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1435/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khắc phục sửa chữa kênh từ trường Cao đẳng Cộng Đồng đến cánh đồng Lùng Thàng, bản Lùng Thàng, xã Nậm Loỏng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **248.590.412 đồng.**

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	156.926.431 đồng
+ Bồi thường về đất:	30.219.000 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	28.710.497 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	7.339.934 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	90.657.000 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện:	15.064.937 đồng
+ Chi cho Trung tâm PTQĐ thành phố:	12.554.114 đồng
+ Chi cho phòng Tài nguyên - Môi trường:	1.569.264 đồng
+ Chi phí cho Sở Tài chính:	627.706 đồng
+ Chi phí cho phòng Tài chính - Kế hoạch:	313.853 đồng
- Chi phí định giá đất:	33.028.232 đồng
- Kinh phí đo đạc địa chính:	43.570.812 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND xã Nậm Loông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam



THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Khắc phục, sửa chữa kênh thoát nước từ trường cao đẳng cộng đồng
đến cánh đồng Lùng Thàng, bản Lùng Thàng, xã Nậm Loỏng

(Kèm theo Quyết định số: **2149**QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				248.590.412
I	Chi trả cho chủ sở hữu				156.926.431
a	<i>Về đất</i>				30.219.000
b	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				28.710.497
c	<i>Về cây cối hoa màu</i>				7.339.934
d	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				90.657.000
2	KP tổ chức thực hiện				15.064.937
a	Chi cho TTPTQĐ				12.554.114
b	Chi cho phòng TNMT				1.569.264
c	Chi phí thẩm định giá đất (Sở Tài chính)				627.706
d	Chi phí thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện (phòng Tài chính-Kế Hoạch)				313.853
3	Chi phí định giá đất				33.028.232
4	KP đo đạc địa chính				43.570.812
B	Chi tiết cho các hộ dân				156.926.431
1	Sùng A Hồ				
	Địa chỉ: Bản Lùng Thàng xã Nậm Loỏng thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				55.337.432
a	<i>Về đất</i>				12.768.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	364,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	364,8	35.000	12.768.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhà nước cấp giấy CNQSD đất số BQ 227325 cấp ngày 19/12/2014, thửa đất số 84 TBD 05 thửa đất số 96 TBD số 22 nhận tặng cho của bố là ông Sùng lão Sang năm 2007 (không có giấy tờ cho tặng), đất ông Sang đã được cấp giấy CNQSD đất số Q 020 476 ngày 17/12/1999 số vào sổ 00266 QSĐĐ/746/1999QD-UB/H-UB.				
b	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				517.770
1	Kè đá xếp khan (10*1,1*0,3)	m ³	3,3	141.900	468.270
2	Hào đào thủ công (1,2*0,5*1)	m ³	0,6	82.500	49.500
c	<i>Về cây cối hoa màu</i>				3.747.662
1	Rau màu gói vụ	m ²	193,3	9.600	1.856.102
2	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	Cây	3,0	132.000	396.000



T1	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
3	Cây chanh bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	204.000	204.000
4	Cây đa tính bằng cây lấy gỗ đường kính từ 10 đến dưới 25cm	Cây	1,0	42.000	42.000
5	Cây mận trồng hạt năm thứ nhất	Cây	4,0	42.000	168.000
6	Cây lấy gỗ D30; H 5m (1cây gạo)	m ³	0,4	480.000	169.560
7	Cây chuối cao trên 1,2 m	cây	17,0	24.000	408.000
8	Cây chuối có buồng (3 cây*20kg/buồng)	Kg	60,0	6.000	360.000
9	Cây chuối cao dưới 1,2 m	Cây	8,0	18.000	144.000
d	Về chính sách hỗ trợ				38.304.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	364,8	105.000	38.304.000
2	Sùng A Kỳ				
	Địa chỉ: bản Lùng Thàng xã Nậm Loỏng thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				20.998.259
a	Về đất				4.021.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	114,9		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	114,9	35.000	4.021.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Tại thửa đất số 59 TBD 22 Nhà nước công nhận CNQSD đất số BQ 227060 cấp ngày 19/12/2014. Thửa đất thửa đất số 108 TBD 22 được cấp GCNQSD số 00224 QSDĐ/748/1999/QĐ-UB/H-UBND ngày 17/12/1999.				
b	Về cây cối hoa màu				1.972.800
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	22,0	24.000	528.000
2	Cây chuối có buồng (2 cây*20kg/buồng)	Kg	40,0	6.000	240.000
3	Cây chuối cao dưới 1,2 m	Cây	12,0	18.000	216.000
4	Rau màu gói vụ	m	100,0	9.600	960.000
5	Hàng rào cây sống	m	4,0	7.200	28.800
c	Về tài sản vật kiến trúc				2.939.459
1	Kè đá xếp khan (25,5*1,4*0,3)+(3*1,2*0,3)+(25,5*0,7*0,5)	m ³	20,7	141.900	2.939.459
d	Về chính sách hỗ trợ				12.064.500



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	114,9	105.000	12.064.500
3	Sùng A Vàng				
	Địa chỉ: bản Lùng Thàng xã Nậm Loỏng thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				20.379.360
a	Về đất				3.276.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	93,6		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	93,6	35.000	3.276.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhà nước CNQSD đất số BQ 227058 cấp ngày 19/12/2014, phần diện tích còn lại nhận chuyển nhượng của gia đình ông Phê A Nhà (không có giấy tờ chuyển nhượng) từ năm 2000 đất gia đình ông Nhà được cấp giấy chứng nhận số Q 064028 số vào sổ 00236 QSĐĐ/748/1999 QĐ-UB/H-UBND, sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	Về tài sản vật kiến trúc				5.655.888
1	Ống nhựa PVC Φ110	m	6,0	63.000	378.000
2	Kè xây đá (24*0,4*1,4)	m ³	13,4	392.700	5.277.888
b	Về cây cối hoa màu				1.619.472
1	Cây lấy gỗ D30; H 6m (1cây thông)	Kg	0,4	480.000	203.472
2	Cây lấy gỗ D=- 5-10 Cm	cây	3,0	30.000	90.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất (nhãn)	cây	2,0	42.000	84.000
4	Cây chuối có buồng (1cây* 20kg/buồng)	kg	20,0	6.000	120.000
5	Cây chuối cao dưới 1,2 m	cây	5,0	18.000	90.000
6	Cây chuối cao trên 1,2 m	cây	4,0	24.000	96.000
7	Cây ôi bán kính phát tán từ 1 đến 2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
8	Rau màu gói vụ	m ²	60,0	9.600	576.000
c	Về chính sách hỗ trợ				9.828.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	93,6	105.000	9.828.000
4	Phê A Nhà				
	Địa chỉ: bản Sùng Chò xã Nậm Loỏng thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				57.621.380



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1		3	4	5	6=1*5
a	Về đất				9.506.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	271,6		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	271,6	35.000	9.506.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất số giấy chứng nhận Q 064028 ngày 17/12/1999				
b	Về tài sản vật kiến trúc				19.597.380
1	Hào đào thủ công (46*0,8*1,1)	m ³	40,5	82.500	3.339.600
2	Kè xây đá (46*1,5*0,6)	m ³	41,4	392.700	16.257.780
c	Về chính sách hỗ trợ				28.518.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	271,6	105.000	28.518.000
5	Tấn A Gà				
	Địa chỉ: bản Lùng Thàng xã Nậm Lòong thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				
					2.596.000
a	Về đất				647.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	18,5		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	18,5	35.000	647.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất năm 1998 số giấy chứng nhận Q 064021 số vào sổ 00216 QSDĐ/716/1999/QĐ-UB/H-UBND ngày 17/12/1999				
b	Về chính sách hỗ trợ				1.942.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	18,5	105.000	1.942.500